

Bản án số: 38/2020/HS-PT

Ngày 25 – 9 – 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Hải

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Đoàn

Bà Đỗ Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2020/TLPT-HS ngày 31 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo Nguyễn Hải V và Nông Thị T, do có kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2019/HS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Các bị cáo có liên quan đến kháng nghị:

1. Nguyễn Hải V, sinh ngày 22-9-1982 tại tỉnh Hưng Yên; Nơi ĐKKHKT: Tổ X, phường Y N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Nơi ở: Tổ Z, phường Đ T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1941 và bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1948; có vợ là Nông Thị T, sinh năm 1986 và 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20-11-2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Nông Thị T, sinh ngày 28-4-1986 tại tỉnh Yên Bái; Nơi ĐKKHKT: Tổ X, phường Y N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Nơi ở: Tổ Z, phường Đ T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Trần T, sinh năm 1945 và bà Vi Thị B, sinh năm 1949; có chồng là Nguyễn Hải

V, sinh năm 1982 và 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, đang tại ngoại; Vắng mặt.

Trong vụ án còn có các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa do Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2016, Nguyễn Hải V thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại và Dịch vụ H L và giữ chức vụ Giám đốc Công ty. Đến năm 2017, V mở nhà hàng “P X” kinh doanh dịch vụ ăn uống. Do việc kinh doanh thua lỗ nên V đã làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là giấy CNQSDĐ) để đi vay tiền của những người quen biết, cụ thể như sau:

1. Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2017 đến tháng 11/2017, V cùng vợ là Nông Thị T nhiều lần đến nhà ông Vũ Văn Th, để vay tiền. Trước khi cho vay, ông Th yêu cầu phải có tài sản thế chấp nhưng sau khi nghe V trình bày ông Th nhất trí cho vay 80.000.000 đồng vào các ngày 30-6-2017, 10-8-2017 và 6-11-2017 mà không cần V thế chấp tài sản.

Tháng 4/2018, V tiếp tục đến vay tiền ông Th. Ông Th yêu cầu V phải thế chấp bằng tài sản thì mới cho vay nên V nảy sinh ý định làm giả giấy CNQSDĐ của mảnh đất có diện tích 400m² tại thôn K C, xã A T, huyện V, tỉnh Yên Bái (đây là giấy CNQSDĐ số CK 26147 do bố mẹ V là ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị Kim L cho tặng V) để thế chấp vay tiền của ông Th.

Thực hiện ý định trên, V vào mạng tải hình ảnh giấy CNQSDĐ về, rồi dùng phần mềm đồ họa “Corel” cắt, ghép, chỉnh sửa các thông tin theo giấy CNQSDĐ số CK 26147 rồi in ra 01 bản.

Ngày 04/4/2018, V mang giấy CNQSDĐ giả đến thế chấp vay ông Th 60.000.000 đồng.

Ngày 13/4/2018, V cùng Nông Thị T tiếp tục đến vay của ông Th số tiền 60.000.000 đồng. Vì đã cầm giấy CNQSDĐ của V từ ngày 04/4/2018 nên ông Th không yêu cầu V phải thế chấp tài sản nữa.

Ngày 03/6/2018, vợ chồng V, T thế chấp 01 bộ hồ sơ xe ô tô 29 chỗ biển kiểm soát 51B-XX vay của ông Th cho 200.000.000 đồng với hình thức vay không thời hạn.

Khoảng tháng 7/2018, V và T mượn lại bộ hồ sơ xe ô tô trên để bán lấy tiền và hứa sẽ trả nợ cho ông Th. Tuy nhiên, sau khi bán xe V không trả nợ cho ông Th mà xin khất nợ thì được ông Th đồng ý.

2. Khoảng tháng 9/2018, V hỏi vay tiền của chị Lê Thị T. Chị T yêu cầu phải có tài sản thế chấp và phải có mặt cả 02 vợ chồng thì mới cho vay. Do trên máy vi tính của V có tài khoản email của bạn là Cao Hải K (trú tại tổ M, phường N T, thành phố Y), trong đó có bản Scan giấy CNQSDĐ số CG 681898 của thửa đất số 91, có địa chỉ tại tổ K, phường N P, thành phố Y là giấy tờ đất thuộc quyền sử dụng của anh Cao Hải K nên V đã chỉnh sửa tên vợ chồng anh K thành Nguyễn Hải V và Nông Thị T, địa chỉ tổ A, phường Y N, thành phố Y rồi in màu ra 01 bản.

Ngày 21-9-2018, V bảo vợ là Nông Thị T đi cùng để vay tiền của chị Lê Thị T. Do biết tình hình kinh tế của gia đình lúc này đang khó khăn và không có khả năng thanh toán nên Nông Thị T không muốn đi cùng V. Giữa 02 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc V đã tát vợ 02 cái. Sau đó, Nông Thị T đã đi cùng V đến nhà chị Lê Thị T. Tại đây, V đã đưa cho chị Lê Thị T 01 giấy CNQSDĐ giả, còn Nông Thị T thì viết giấy vay tiền rồi viết thêm 01 giấy đặt tiền cọc mua đất. Mặc dù biết gia đình không có giấy CNQSDĐ số CG 681898 của thửa đất số 91, có địa chỉ tại tổ K, phường N P, thành phố Y nhưng Nông Thị T vẫn viết, mục đích để V vay được tiền theo sự hướng dẫn của V và chị Lê Thị T với số tiền bán đất là 60.000.000 đồng. Sau khi ký xác nhận, chị Lê Thị T giao tiền cho Nông Thị T và V đã sử dụng hết số tiền này. Do đã cầm giấy CNQSDĐ nên ngày 26-10 và 06-11/2019 chị T đến nhà V cho vay thêm 40.000.000 đồng. Đến tháng 5/2019, chị T đến nhà V yêu cầu đưa đi xem đất. Qua trao đổi, V bảo Nông Thị T đưa chị T đến khu nhà Cao Hải K chỉ mảnh đất bên cạnh để chị T tin tưởng đây là đất của vợ chồng V như trong giấy CNQSDĐ. Thời gian sau, gia đình V đã đi khỏi địa phương nên chị T không liên lạc được.

3. Tháng 01/2019, qua sự giới thiệu của bạn là Nguyễn Thành C (trú tại tổ Đ, phường Y N, thành phố Y), V hỏi vay 30.000.000 đồng của anh Nguyễn Hồng V 1. Do C là người đứng ra đảm bảo khoản vay cho V nên anh C yêu cầu V phải có tài sản thế chấp. V tiếp tục làm giả giấy CNQSDĐ số CG XX đối với mảnh đất có địa chỉ tại tổ X, phường N P, thành phố Y. Ngày 28-01-2019, V đến nhà và được vợ anh V 1 là chị Nguyễn Thị Thanh H cho V vay 30.000.000 đồng. V viết 01 giấy vay tiền và thế chấp 01 giấy CNQSDĐ giả. Số tiền này V đã thanh toán hết cho anh V 1.

4. Do có mối quan hệ quen biết, từ tháng 09/2018 đến tháng 01/2019 V đã vay của chị Vũ Khánh L2 tổng số tiền 65.000.000 đồng. Khi vay không viết giấy vay nợ, không có tài sản thế chấp. Vì đến hạn không trả được tiền, chị L2 yêu cầu V viết giấy vay nợ đồng thời phải có tài sản thế chấp để làm tin. Tháng 2/2019, V đã làm giả 01 giấy CNQSDĐ số CG XX đối với mảnh đất có địa chỉ

tại tổ X, phường N P, thành phố Y. Ngày 18-02-2019, V viết giấy vay 65.000.000 đồng hẹn sau 13 ngày sẽ trả và đưa cho chị 2 L 01 giấy CNQSDĐ giả số CG XX.

Ngày 12-03-2019, bà Nguyễn Thị Kim L (là mẹ đẻ của V) cùng V đến thỏa thuận với chị L2 và viết giấy hẹn có nội dung bà L có trách nhiệm trả số tiền 70.000.000 đồng, trong đó 65.000.000 đồng là tiền V vay và 5.000.000 đồng là tiền lãi thì được chị L2 nhất trí.

5. Ngoài ra, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái còn tiếp nhận đơn tố giác về tội phạm của chị Vũ Thị L3 và anh Hoàng Văn D, cụ thể:

5.1 Tháng 5/2019, chị Vũ Thị L3 ký hợp đồng du lịch với Nguyễn Hải V để đưa các cháu học sinh lớp 11 Toán - Tin trường THPT NT T đi du lịch tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh với tổng số tiền hợp đồng là 73.300.000 đồng, gồm các dịch vụ trọn gói: Ăn, nghỉ, xe vận chuyển theo chương trình, vé tham quan, hướng dẫn viên; điều khoản thi hành của hợp đồng là hai bên giải quyết bằng thương lượng. Trường hợp tranh chấp không giải quyết được bằng thương lượng thì sự việc sẽ đưa ra Tòa kinh tế, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái giải quyết”.

Thực hiện hợp đồng trên, V đã thuê xe ô tô, thuê hướng dẫn viên du lịch đưa đoàn đến Quảng Ninh. V đã thực hiện 01 phần nội dung của hợp đồng, chi trả các dịch vụ hết 26.000.000 đồng. Số tiền còn lại V sử dụng vào việc thanh toán các hợp đồng du lịch khác. Do số tiền 26.000.000 đồng không đủ để thực hiện các dịch vụ trong chuyến đi trên nên V đã gọi điện thoại nhờ chị L3 chi trả nốt các khoản còn lại của chuyến đi, sau khi về V sẽ thanh toán cho chị L3. Tại thời điểm đó, V còn nợ một số người khác nên V đã đi khỏi địa phương. Tháng 11/2019, V liên lạc với chị L3 để thỏa thuận về số tiền 47.300.000 đồng chị L3 bỏ ra chi phí. Tuy nhiên, hai bên chưa đi đến thống nhất thì V bị khởi tố, bắt tạm giam. Đến nay, chị L3 yêu cầu V thanh toán trả cho chị số tiền là 47.300.000 đồng.

Năm 2017, V hỏi mua 01 mảnh đất của anh Trần Văn L4. Do có mối quan hệ bạn bè thân thiết nên anh L4 thỏa thuận miệng với V và cho V nợ tiền mua đất trong 01 năm, khi nào có tiền sẽ mua mảnh đất của anh L4 theo giá thị trường tại thời điểm thanh toán. Sau 01 năm V chưa trả được tiền, nhưng anh L4 vẫn đồng ý cho V xây nhà tại mảnh đất trên. V đã mua vật liệu xây dựng của anh Hoàng Văn D với tổng số tiền 23.646.000 đồng, V xin khát nhưng đến khi quá hạn V đã nhờ anh L4 thanh toán cho anh D. Anh L4 đã thanh toán cho anh D số tiền với giá thanh lý là 10.000.000 đồng, anh D nhất trí.

Tại kết luận giám định số 201/KLGD ngày 20-8-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái, kết luận:

“Chữ ký đề tên Nguyễn Yên H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 là chữ ký được làm giả bằng phương pháp in phun màu”.

- Hình dấu tròn có nội dung “ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Y - TỈNH YÊN BÁI” đề ngày 17/7/2017 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 là hình dấu giả”.

Tại kết luận giám định số 274/KLGD ngày 16-12-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái, kết luận:

Chữ ký dưới dòng “Người vay” trên tài liệu ký hiệu A1; Chữ ký, chữ viết “Nguyễn Hải V” dưới dòng “Người vay”, dưới dòng “Hẹn ngày sẽ thanh toán đầy đủ” trên tài liệu ký hiệu A2; Chữ ký, chữ viết “Nguyễn Hải V” dưới dòng “Người vay” trên tài liệu ký hiệu A3; Chữ ký, chữ viết “Nguyễn Hải V” dưới dòng “Người vay tiền” trên tài liệu ký hiệu A4 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Hải V trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M6 là do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ viết trên “Giấy đặt tiền cọc mua đất” ký hiệu A1 so với chữ viết của Nông Thị T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M7 đến M11 là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký đề tên Nông Thị T trên “Giấy đặt tiền cọc mua đất” ký hiệu A1 so với chữ ký của Nông Thị T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M7 đến M11 là do cùng một người ký ra”.

Tại kết luận giám định số 21/KLGD ngày 12-01-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái, kết luận:

“Chữ ký mang tên Doãn Văn Th trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của ông Doãn Văn Th trên các mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M5 không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN V - YÊN BÁI” trên mẫu cần giám định ký hiệu A không phải do con dấu có hình dấu trên các mẫu so sánh đóng ra”.

Tại kết luận giám định số 36/KLGD ngày 16-01-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái, kết luận:

Chữ ký mang tên Nguyễn Yên H trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của ông Nguyễn Yên H trên các mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M5 không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Y T. YÊN BÁI” trên mẫu cần giám định ký hiệu A không phải do con dấu có hình dấu trên mẫu so sánh đóng ra. (BL 170-171).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2020/HS-ST ngày 27-7-2020, Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hải V phạm các tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo Nông Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

Đối với Nguyễn Hải V:

+ Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Hải V 03 năm 06 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

+ Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Hải V 03 năm 06 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”;

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Hải V 07 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc Nguyễn Hải V phải chấp hành hình phạt chung cho cả ba tội nêu trên là 14 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20-11-2019.

Đối với Nông Thị T: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Thị T 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, việc xử lý vật chứng, việc chịu án phí sơ thẩm, tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi liên quan; các quyền về thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25-8-2020, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 04/QĐ-VKS-YB, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2020/HS-ST ngày 27-7-2020 của Tòa án nhân thành phố Y để xét xử lại với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Hải V phạm hai tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, sau đó quyết định hình phạt cho từng tội và tổng hợp hình phạt chung là có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật, gây bất lợi cho bị cáo, bởi: Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Hải V thực hiện hành vi làm giả giấy CNQSDĐ, sau đó lại sử dụng những giấy tờ được làm giả đó để thực hiện việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hai hành vi trên liên quan chặt chẽ với nhau, hành vi làm giả là điều kiện thực hiện hành vi sử dụng, hành vi sử dụng là hậu quả của hành vi làm giả.

Như vậy, bị cáo V chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về một tội với tên tội danh đầy đủ các hành vi đã được thực hiện là “Làm giả tài liệu, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và chỉ phải chịu một hình phạt. Với những sai sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái kháng nghị theo hướng hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án do có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và không có tranh luận gì. Khi nói lời sau cùng, bị cáo V đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái được ban hành trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

Từ ngày 04-4-2018 đến tháng 02-2019 Nguyễn Hải V làm giả 04 giấy CNQSDĐ và đã sử dụng giấy CNQSDĐ giả để thế chấp vay của ông Vũ Văn Th số tiền 120.000.000 đồng; vay chị Lê Thị T số tiền 100.000.000 đồng. Ngoài ra, V còn sử dụng giấy CNQSDĐ giả để đảm bảo cho các khoản nợ khác nhưng đến hạn không có khả năng thanh toán. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Hải V phạm hai tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, sau đó quyết định hình phạt cho từng tội danh và tổng hợp hình phạt chung là chưa phù hợp với hướng dẫn tại Công văn số: 233/TANDTC-PC ngày 01-10-2019 của Tòa án nhân dân tối cao, bởi: Đây là một chuỗi các hành vi được thực hiện một cách liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian, hành vi trước là tiền đề, là điều kiện để thực hiện hành vi sau, mỗi hành vi đều đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Với những hành vi nêu trên, Nguyễn Hải V đã phạm vào một tội ghép là tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và chỉ phải chịu một hình phạt quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Do đó, kháng nghị của Viện

trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái về cơ bản là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Tuy nhiên, trong vụ án cụ thể này, thấy không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm mà chỉ cần sửa bản án sơ thẩm phần có liên quan đến tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hải V để tránh kéo dài thời gian xét xử, ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự khác trong vụ án này.

Tội danh và hình phạt đối với bị cáo T, vấn đề trách nhiệm dân sự, việc xử lý vật chứng, việc chịu án phí sơ thẩm và các quyền về thi hành án dân sự của các đương sự trong bản án sơ thẩm là thỏa đáng, đúng pháp luật cần được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận một phần Kháng nghị phúc thẩm số: 04/QĐ-VKS-YB ngày 25/8/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, sửa bản án sơ thẩm số: 34/2020/HSST ngày 27-7-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái phần có liên quan đến tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hải V, như sau:

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải V 03 năm 06 tháng tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức;

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải V 07 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Hải V phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội nêu trên là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20-11-2019.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 34/2020/HSST ngày 27-7-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái phần liên quan đến: Tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nông Thị T; phần trách nhiệm dân sự, việc xử lý vật chứng, việc chịu án phí sơ thẩm, quyền về thi hành án dân sự của các đương sự trong vụ án này.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà
(đã ký)

Trần Trung Hải